

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 845/2026/DS-PT
Ngày: 28-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mạc Thị Chiên**
Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Minh Trang**
Ông **Võ Bảo Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Đoàn Thiên Giang** – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông **Trần Thanh Vũ** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 927/2026/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2026/DS-ST ngày 25/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 999/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 878/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Xuân P**, sinh năm: 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A N, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quang T**, sinh năm: 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A N, phường C, thành phố Cần Thơ.

(Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 9457/2025/CCGD ngày 04/10/2025)

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm: 1958. (Vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Kim S**, sinh năm: 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 59/17 Huỳnh Phan Hộ, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Số 94 Tôn Đức thắng, khu vực Thới Đông, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm: 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

(Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 10418/2025/CCGD ngày 04/11/2025)

Người kháng cáo: Bà **Trương Thị Xuân P** là nguyên đơn; ông **Nguyễn Minh C** và bà **Nguyễn Thị Kim S** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà **Trương Thị Xuân P** trình bày: Do quen biết nên vào ngày 10/10/2020, bà có cho vợ chồng ông **Nguyễn Minh C** và bà **Nguyễn Thị Kim S** vay số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, ông C – bà S có giao cho bà giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL731866 (Số vào sổ cấp GCN: CH02200) ngày 20/5/2013, có làm biên nhận nợ vay và ông C – bà S đã trả cho bà 02 tháng tiền lãi với số tiền 100.000.000 đồng. Theo cam kết thì sau 02 tháng, ông **Nguyễn Minh C** và bà **Nguyễn Thị Kim S** sẽ trả lại tiền nợ vay cho bà nhưng cho đến nay ngoài số tiền lãi 100.000.000 đồng đã trả thì ông C – bà S không trả tiền nợ gốc và lãi cho bà. Tính đến ngày 07/10/2025, tổng số tiền vốn vay và tiền lãi là 2.002.000.000 đồng; bà đồng ý căn trừ số tiền 100.000.000 đồng tiền lãi đã nhận vào khoản tiền lãi ông C – bà S có nghĩa vụ trả lãi theo quy định của pháp luật.

Do đó, bà khởi kiện và yêu cầu: Buộc ông **Nguyễn Minh C** và bà **Nguyễn Thị Kim S** có nghĩa vụ trả lại cho bà **Trương Thị Xuân P** khoản tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 07/10/2025 với tổng số tiền 1.902.000.000 đồng (vốn vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 902.000.000 đồng).

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Tuấn A trình bày:*
 Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P về việc vào ngày 10/10/2020, vợ chồng ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S có vay của bà Nguyễn Thị Xuân P1 số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận và hai bên có làm biên nhận vay tiền; đồng thời, bà Nguyễn Thị Xuân P1 có giữ của ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL731866 (Số vào sổ cấp GCN: CH02200 ngày 20/5/2013). Quá trình vay tiền, ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S đã trả cho bà Trương Thị Xuân P số tiền 100.000.000 đồng tiền lãi.

Nay nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S trả lại tổng số tiền 1.902.000.000 đồng (vốn vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 902.000.000 đồng) thì bị đơn không đồng ý với lý do yêu cầu tính lãi đã hết thời hiệu theo quy định. Do đó, bị đơn ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S chỉ đồng ý trả lại cho nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P khoản tiền vốn vay với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2026/DS-ST ngày 25/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P đối với bị đơn ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P khoản tiền đã vay theo biên nhận vay tiền ngày 10/10/2020 với số tiền 1.398.000.000 đồng (trong đó, vốn vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 398.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án có tuyên về quyền kháng cáo, chi phí tố tụng và tiền án phí.

Ngày 09/04/2026, nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm số 117/2026/DS-ST ngày 25/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ theo hướng chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả lại số tiền 1.902.000.000 đồng và trả lãi suất từ thời điểm vay tiền cho đến khi Bản án có hiệu lực thi hành và xem xét thẻ ATM mà nguyên đơn đã nộp.

Ngày 08/4/2026, bị đơn ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim S yêu cầu một mình chịu trách nhiệm thanh toán nợ và chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc 600.000.000 đồng. Ông Nguyễn Minh C không đồng ý có trách nhiệm liên đới trong khoản nợ giữa bà S với bà P. Yêu cầu áp dụng thời hiệu tính lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Quang T trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S trả lại khoản tiền vốn vay và 60 tháng tiền lãi với số tiền 1.902.000.000 đồng vì thực tế hai bên có thỏa thuận lãi tương đương 5%/tháng, mặc dù có cao so với quy định của pháp luật. Đối chiếu với biên nhận hai bên không ghi mức lãi nhưng số tiền đóng 100.000.000 đồng đóng lãi cho hai tháng là tương đương 5%. Do đó, bản án sơ thẩm xác định các bên không thỏa thuận lãi là chưa đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Tuấn A trình bày: Bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày nhưng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng do ông Nguyễn Đức T1 nhận thay được thể hiện tại giấy biên nhận nợ khi bà Nguyễn Thị Kim S ký giấy nợ với ông Nguyễn Đức T1 nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim S chỉ đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền vốn vay 600.000.000 đồng; đối với khoản tiền lãi do đã hết thời hiệu nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn. Mặt khác, khi ký hợp đồng vay thì chỉ có bà Nguyễn Thị Kim S ký tên nên đề nghị chỉ buộc bà Nguyễn Thị Kim S trả lại số tiền 600.000.000 đồng vốn vay mà không buộc ông C phải có nghĩa vụ trả nợ cùng bà S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Bởi hai bên thỏa thuận lãi nhưng không có mức lãi cụ thể, do đó cấp sơ thẩm đã xác định phần lãi là 10%/năm là phù hợp. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đối với kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Kim S yêu cầu cấp phúc thẩm xác định phần nợ bà S còn nợ nguyên đơn là 600.000.000 đồng và chỉ buộc bà S có trách nhiệm hoàn trả số tiền này mà không buộc ông C cùng trả nợ. Nội dung kháng cáo này cũng không có căn cứ bởi không chứng minh được bị đơn đã trả cho bà P 400.000.000 đồng đồng thời cũng không xác định được chỉ có bà S là người vay tiền mà ông C không biết. Cấp sơ thẩm đã giải quyết là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P; bị đơn ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Kim S có đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Xuân P kháng cáo xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả lại số tiền 1.902.000.000 đồng: Tại phiên tòa, bị đơn và nguyên đơn đều khai thống nhất có thỏa thuận cho vay nợ với số tiền 1.000.000.000 đồng, có lãi suất nhưng không xác định được lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Do đó, cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định của pháp luật dân sự để xác định lãi suất 10%/năm để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi*

suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ.” Do đó, kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu tính lãi bằng 20% để buộc bị đơn thanh toán khoản lãi tương đương 902.000.000 đồng sau khi đã trừ đi 100.000.000 đồng mà bị đơn đã trả trong hai tháng là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Kim S:

[2.2.1] Xét việc bà S yêu cầu xác định một mình bà S có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, phía bị đơn thừa nhận nợ, có ký biên nhận nợ vào ngày 10/10/2020 và đồng ý trả lại số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn khoản tiền vốn vay với số tiền 400.000.000 đồng được thể hiện tại giấy biên nhận nợ bà Nguyễn Thị Kim S đã ký với ông Nguyễn Đức T1 ký vào ngày 10/8/2020 nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận. Bị đơn không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên phần này không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Đối với phần yêu cầu một mình bà S trả nợ, ông C không đồng ý liên đới trả phần nợ của nguyên đơn. Tại Biên nhận nợ ngày 10/10/2020, đã ghi rõ tại câu đầu tiên *“Vợ chồng tôi... nhờ chị P vay giúp số tiền 1.000.000.000 đồng. Vợ chồng tôi cam kết sau hai tháng sẽ hoàn trả số tiền..”* và phần cuối biên nhận có chữ ký của ông C, bà S. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thừa nhận bị đơn ông C – bà S có vay của nguyên đơn bà P số tiền 1.000.000.000 đồng (BL55). Do đó, bị đơn kháng cáo nội dung này không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.3] Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu tính lãi theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm đã nhận định không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với khoản lãi là có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ biên nhận vay tiền, nguyên đơn với bị đơn có thỏa thuận nếu không trả khoản tiền nợ vay thì bị đơn tiếp tục trả lãi và xin gia hạn trả vốn. Do đó phần kháng cáo này không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Xét Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trương Thị Xuân P và bị đơn Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị Kim S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 117/2026/DS-ST ngày 25/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/7/2026).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ;
- P.THADS khu vực 2 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mạc Thị Chiên